TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày 30 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim KHên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST- HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc H, sinh ngày 01/8/1997; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Đỗ Thị M; Vợ, con: Không có;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 02

+ Tại quyết định số 04 ngày 27/9/2022, Công an xã T, Hện LT xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 2.000.000 đồng, H chưa nộp phạt.

+ Tại quyết định số 02 ngày 07/10/2022, UBND xã T, Hện LT áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với H thời hạn 3 tháng, chấp hành xong ngày 07/01/2023.

Nhân thân:

+ Tại quyết định số 23 ngày 02/11/2023 , Tòa án nhân dân Hện LT áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 22 tháng (chưa chấp hành).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 06/3/2024 đến nay (có mặt).

+ *Người bào chữa cho bị cáo H*: Ông Lê Văn D- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/7/1992; nơi cư trú: Thôn T, xã B, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ: Nguyễn Thị Lan G (đã ly hôn); con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 09/02/2024 đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn S, xã Q, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Nông, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn T, xã B, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Trần Thị S, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Anh Đỗ Mạnh T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983 ở thôn P, xã L, Hện LT, Vĩnh Phúc là cai xây dựng công trình Nhà thể chất ở Trường tiểu học xã Q, Hện LT, anh Toản thuê anh Đỗ Mạnh T3, sinh năm 1992 ở thôn Q, xã T, Hện LT giám sát công trình, thuê thợ thi công các hạng mục công trình. Sau đó anh T2 thuê ông Vũ Văn L, sinh năm: 1968 ở thôn S, xã Q, Hện LT làm bảo vệ trông coi, quản lý vật liệu công trình (hợp đồng trả lương hàng tháng) cho ông L. Buổi sáng ngày 12/10/2023, anh T3 điện thoại cho Trần Quốc H, sinh năm 1997 ở thôn Q, xã T, Hện LT, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992 ở thôn T, xã B, Hện LT báo gọi ngày hôm sau đến công trình làm phụ xây thì H và T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H và T đi taxi đến công trình ở Trường tiểu học xã Q gặp ông L và nói ở lại công trình để mai làm. Khi này, H nhìn thấy ở sân công trình có một cuộn sắt phi 6 và một cuộn sắt phi 8 được đặt chồng lên nhau là vật liệu xây dựng nên nảy sinh ý định trộm cắp, H rủ và được T đồng ý trộm cắp, nhưng do lúc này trời còn sáng, có nhiều người qua lại nên

H, T không trộm cắp ngay. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, ông L về nhà ăn cơm không nhờ ai trông hộ, lúc này trời tối, H và T quan sát thấy không có ai, cả hai dùng tay khênh cuộn sắt phi 6 nặng 81 kg đến cửa hàng sắt vụn của chị Trần Thị S, sinh năm: 1999, ở thôn C, xã Q, Hện LT cách đó khoảng 1 km, khi đi được 1 đoạn gặp đường dốc không khênh được nên H đến nhà chị S mượn 01 xe lôi quay ra, H và T khênh cuộn sắt lên xe lôi kéo về nhà chị S thì H nói *"có 02 cuộn sắt còn thừa không sử dụng nữa muốn bán"*, chị S đồng ý báo giá 7.700 đồng/kg thì H, T đồng ý, chị S cân cuộn sắt được 81 kg và đã trả cho H, T số tiền 623.000 đồng, sau đó H và T tiếp tục quay lại trường học trộm cắp cuộn sắt phi 8 đến bán cho chị S cân cuộn sắt phi 8 được 75kg nên đã trả cho H, T số tiền 580.000 đồng. Tổng số tiền H, T bán 02 cuộn sắt là 1.203.000 đồng, sau đó H và T thuê taxi về xã B, Hện LT mua ma túy hết số tiền 200.000 đồng và đã cùng nhau sử dụng hết, số tiền còn lại cả hai tiêu sài cá nhân hết rồi bỏ trốn. Ông L ra trường kiểm tra công trình phát hiện bị mất 2 cuộn sắt trên nên trình báo cơ quan Công an giải quyết. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại cửa hàng phế liệu của chị S 02 cuộn sắt phi 6 và phi 8 nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 25/10/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự Hện LT kết luận: Trị giá của 01 cuộn sắt phi 6 là 1.194.750 đồng; trị giá của 01 cuộn sắt phi 8 là 1.106.250 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.301.000 đồng.

Đối với anh Đỗ Mạnh T3, trước, trong và sau khi H và T trộm cắp tài sản, anh T3 không biết và không giúp sức gì, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chị Trần Thị S, kết quả điều tra xác định: Chị S làm nghề thu mua sắt vụn, khi cho mượn xe lôi và khi mua 02 cuộn sắt thì H và T không nói là tài sản do trộm cắp mà có, chị S không biết nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị S là có căn cứ.

Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho H và T ở khu vực nghĩa trang xã B, Hện LT, quá trình điều tra H và T khai bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy nên đã mua 01 gói ma túy của nam thanh niên với giá 200.000 đồng và cả hai đã sử dụng hết, H và T không biết tên, tuổi, địa chỉ người đã bán ma túy cho H và T và không nhận dạng được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

* *Vật chứng thu giữ:* 01 cuộn sắt loại sắt phi 6, có trọng lượng 81 kg và 01 cuộn sắt loại sắt phi 8 có trọng lượng 75 kg là tài sản hợp pháp do ông Vũ

Văn Lợi quản lý, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông L, ông L đã nhận lại số sắt trên và không yêu cầu H và T phải bồi thường gì khác.

** Trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, chị S yêu cầu H và T bồi thường 1.203.000 đồng số tiền bỏ ra mua 02 cuộn sắt và đã được bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo Trung) trả cho chị S. Chị S đã nhận đủ tiền, không có bất cứ đề nghị gì khác về dân sự. Bà N không đề nghị H và T phải trả cho bà số tiền 1.203.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quốc H và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Hện LT truy tố bị cáo Trần Quốc H và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện LT thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trần Quốc H từ 10 tháng 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 06/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 09/02/2024

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 cuộn sắt loại sắt phi 6, có trọng lượng 81 kg và 01 cuộn sắt loại sắt phi 8 có trọng lượng 75 kg là tài sản hợp pháp do ông Vũ Văn L quản lý, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông L, ông Lđã nhận lại số sắt trên, không yêu cầu H và T phải bồi thường gì khác; về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, chị S yêu cầu H và T bồi thường 1.203.000 đồng số tiền bỏ ra mua 02 cuộn sắt, T đã tác động gia đình và đã được bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo T) bồi thường toàn bộ số tiền trên. Chị S đã nhận đủ tiền, không có bất cứ đề nghị gì khác về dân sự. Bà N không đề nghị H và T phải trả cho bà số tiền 1.203.000 đồng.

Bị hại ông Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Mạnh T3 và chị Trần Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra xác nhận đã nhận lại số tiền chị S bỏ ra để mua 02 cuộn sắt và số tiền anh T3 đã trả cho chị S đã được bà N trả lại cho anh T3, không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Bị cáo H không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trung không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Hện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc H và Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Xuất phát từ động cơ, mục đích tư lợi để có tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 18 giờ ngày 12/10/2023, Trần Quốc H và Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp của ông Vũ Văn L là người quản lý, trông coi vật liệu xây dựng ở công trình xây dựng Nhà thể chất ở trưởng Tiểu học xã Q, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc 01 cuộn sắt phi 6 trọng lượng 81 kg và 01 cuộn sắt phi 8 trọng lượng 75 kg, tổng trị giá 02 cuộn sắt là 2.301.000 đồng, sau đó đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân hết.

[3] Hành vi nêu trên của Trần Quốc H và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị*

phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trong vụ án này Trần Quốc H là người có vai trò chính, khởi xướng, rủ Nguyễn Văn T và cùng trực tiếp thực hiện tội phạm, Nguyễn Văn T tham gia với vai trò đồng phạm và cùng thực hiện tội phạm với H. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trước khi phạm tội H là người chưa có tiền án và có 02 tiền sự; Trung là người chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"*, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với anh Đỗ Mạnh T3, trước, trong và sau khi H và T trộm cắp tài sản, anh T3 không biết và không giúp sức gì, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chị Trần Thị S làm nghề thu mua sắt vụn, khi cho mượn xe lôi và khi mua 02 cuộn sắt thì H và T không nói là tài sản do trộm cắp mà có, chị S không biết nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị S là có căn cứ.

Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho H và T ở khu vực nghĩa trang xã B, Hện LT, quá trình điều tra H và T khai mua 01 gói ma túy của nam thanh niên với giá 200.000 đồng và cả hai đã sử dụng hết, H và T không biết tên, tuổi, địa chỉ người đã bán ma túy cho H và T và không nhận dạng được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 cuộn sắt loại sắt phi 6, có trọng lượng 81 kg và 01 cuộn sắt loại sắt phi 8 có trọng lượng 75 kg là tài sản hợp pháp do ông Vũ Văn Lợi quản lý, ông Lđã nhận lại số sắt trên, không có yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 1.203.000 đồng, chị S bỏ ra mua 02 cuộn sắt của bị cáo H và T đã được bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo T) trả cho chị S. Chị S đã nhận đủ tiền, không có bất cứ đề nghị gì khác về dân sự. Bà Nông không đề nghị H và T phải trả cho bà số tiền 1.203.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc H thuộc gia đình hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Quốc H 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 06/3/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn T 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 09/02/2024.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Trần Quốc H được miễn án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Hện LT;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an Hện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS Hện LT;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Kim Thị Ánh Vân